

Appendix: *Tiếng Anh va Tiếng Việt* (the text of the video in English and Vietnamese):

### **Model of Co-research in the Sociology Classroom**

*Every soldier is a farmer*

Background slides [words in English italics transcribe the slides that are visible in the background, the plain text is the commentary of the film as spoken by us and the translation that ran as subtitles across the bottom of the screen]:

*Challenge:*

*Independent research: everyone is a researcher from day one.*

*The basis for international competitiveness, global leadership, etc.*

*Knowledge production in a research*

*university implies that all of us in the*

*university will be researchers.*

*The students join a research project shared*

*by the teacher, in this case the interpretation*

*of maps as knowledge.*

0.08

Spoken text: Ok, hi, my name is John Hutnyk and Humanities and I am talking today about the model of Co-research for the sociology classroom – so the challenge of this model is - something that we have thought about - is an idea, the idea that we see students from the beginning as researchers. It is about developing inspiration for

research and for the creation of knowledge, or the search for knowledge, and the production of knowledge. And so we see students as partners in this so as to inspire independent research. The idea that everyone is a researcher is something that we can think of as important for future development and skill development, whether it be in employment or working in some agency, for an NGO or in a committee or in a court or something, the idea that each student can research a topic and present a report about things is a very important thing for, you know, international competitiveness or leadership – if you like those kind of words.

*Xin chào, tôi tên là (name removed for anonymity), là giảng viên nghiên cứu của Khoa Khoa học xã hội và Nhân văn Đại học (name removed). Hôm nay, tôi sẽ trình bày về mô hình Đồng nghiên cứu cho lớp học thuộc ngành Xã hội học. Thách thức của mô hình này nằm ở chỗ, ngay từ khi bắt đầu quá trình, chúng ta nhìn nhận sinh viên là những nhà nghiên cứu. Ý tưởng ở đây là phát triển cảm hứng cho việc nghiên cứu và khởi tạo nguồn kiến thức cho chính mỗi sinh viên. Trong mô hình này, chúng ta xem sinh viên là cộng sự để có thể thúc đẩy khả năng nghiên cứu độc lập của họ. ‘Mọi người đều là nhà nghiên cứu’ có thể được xem là một ý tưởng quan trọng cho sự phát triển tương lai và phát triển kỹ năng, cho dù họ làm việc ở bất kì đâu (doanh nghiệp, tổ chức phi chính phủ, ủy ban nhân dân, tòa án, v.v.). Ý tưởng mà mỗi sinh viên có thể nghiên cứu và viết báo cáo về những vấn đề bất kì rất quan trọng đối với tính cạnh tranh quốc tế hoặc kỹ năng lãnh đạo.*

We start where we are, we start in the classroom, and with what we have, to try and inspire creativity, and not fearing any case where that might break down or fail as there is not really a way to fail when creativity is something you look for an search for and it does not have a testing level. So we seek, to see where we are no, and the questions that come up when we start to ask critically about the situation that we are in.

*Chúng ta đang ở trong môi trường giáo dục nên chúng ta sẽ bắt đầu trong lớp học, với những gì chúng ta có, để khuyến khích tính sáng tạo, và không ngại bất kì trường hợp nào có thể thất bại bởi vì không có gì gọi là hoàn toàn thất bại khi sáng tạo là thứ bạn tìm kiếm và không có một thang đo đánh giá nào cả. Vì thế chúng ta tìm kiếm để biết chúng ta đang ở đâu, và khi chúng ta bắt đầu hỏi một cách nghiêm túc về tình huống chúng ta đang gặp, câu hỏi sẽ xuất hiện.*

Background slides:

*Planning*

*Teacher: lectures and materials; support  
(online, e-learning, in class).*

*Key: Co-Research – this follows the  
participatory methods tradition (see  
recommended texts at the end).*

*Start in classroom.*

*Risk and knowledge are everything. To seek to see things differently from how we see them now (is the point of all thinking)*

*Modernisation and Social Change class: 35 students.*

*The class had worked together on anthropological methods.*

*Teaching involves lectures, group presentations, discussions, workshops, games, web use and E-learning.*

Spoken text: The experiment for this model is that we used a class, Modernisation and social change, where I was teaching readings from Capital and thinking about social change, and wanting to do this through a kind of mapping process. Thinking about mapping was important because it changes the orientation towards knowledge production (a little bit) and raises questions about what is knowledge production. I mean, a map has a lot of information in it, and of course a map has to be researched just like an essay, but because its a different way of presenting the material it makes the students maybe think a little bit more about questions of presentation and to not fall into formulas or the usual ways of just doing things.

*Chúng tôi đã ứng dụng mô hình này trong việc giảng dạy môn “Hiện đại hóa và biến đổi xã hội”, bằng cách cho sinh viên đọc quyển Tư bản luận và suy nghĩ về sự biến đổi xã hội và tôi muốn làm điều này thông qua quá trình lập bản đồ. Hãy thử suy nghĩ về lập bản đồ, bạn sẽ thấy nó rất quan trọng bởi vì nó thay đổi định hướng về việc khởi tạo kiến thức (một phần nào đấy) nhưng vì cách trình bày thông tin của chúng khác nhau nên làm cho sinh viên có phần thiên về đặt câu hỏi làm cách nào để trình bày mà không rơi vào cách làm khuôn mẫu thông thường.*

2.53

So we started out by asking them to draw a map of Vietnam and to each draw that map to present what they thought was important about the map.

*Chúng ta bắt đầu bằng cách yêu cầu sinh viên vẽ bản đồ Việt Nam và từng người trình bày về điều mà họ nghĩ là quan trọng trong bản đồ.*

Background slides:

*First class: each student draws a map of Vietnam and includes what was significant to them in it.*

*As the map filled out: 35 different interpretations.*

Spoken text: So every student was making a map of Vietnam and they started out being very careful to get the border of the country correct and every map seemed to be similar, but as the class went ahead we started to put in – I asked them to put in, they came up with ideas themselves to put different things into the map that were important to them. Like where they were born, or where they have been. Or things that were important, that they thought it was important to convey to someone viewing the map about Vietnam. What were their significant sites as it were. And it was very interesting that by the end of the class we had 35 different maps of Vietnam. Not one correct map, but 35 interpretations. That was our first lesson I suppose.

*Mỗi sinh viên đã vẽ bản đồ Việt Nam. Họ bắt đầu bằng việc vẽ cẩn thận đường biên giới và tất cả bản đồ trông có vẻ đều giống nhau. Nhưng khi lớp tiếp tục, chúng tôi bắt đầu đưa chi tiết vào. Tôi yêu cầu sinh viên suy nghĩ, họ nảy ra những ý tưởng của riêng họ và đưa những chi tiết khác nhau mà họ cảm thấy quan trọng vào bản đồ. Ví dụ như nơi họ sinh ra, nơi họ từng đến hoặc những ý tưởng mà họ nghĩ là*

*quan trọng để truyền đạt đến người xem. Và điều thú vị xảy ra khi chúng tôi có 35 bản đồ Việt Nam khác nhau vào cuối giờ. Không có cái nào hoàn toàn chính xác, nhưng là 35 cách diễn giải. Tôi cho rằng đó là bài học đầu tiên của chúng tôi.*

00.51

And then we were also looking at other maps, and we had some maps that were maybe provocative of thinking in a different way. For example we looked at the history of maps. We went back to Mesopotamia and some old Chinese maps and so on – some old European maps and Chinese maps used to have, for example, East at the top, rather than what is conventional now which is to have North on the top, not on the left. That's very interesting - why did they have East at the top, well because the East was the centre of the world, meaning mainland China, or for Europe that everything came from the East, and development of life for two thousand years in Europe was East-oriented, the development of the North is more recent and it is interesting to talk about that. But then the idea of having things to make you think differently is also a very important thing for research in general.

*Sau đó chúng tôi tìm hiểu những bản đồ khác, và chúng tôi có một số bản đồ có thể kích thích suy nghĩ theo nhiều hướng khác nhau. Ví dụ, chúng tôi tìm hiểu về lịch sử của bản đồ. Chúng tôi quay ngược về thời Mesopotamia và một số bản đồ Trung Quốc cũ, v.v. Một số bản đồ châu Âu cũ và bản đồ Trung Quốc từng sử dụng, ví dụ như bản đồ có hướng Đông ở phía trên chứ không phải bên trái như thông thường. Lúc này thì bản đồ có hướng Bắc ở trên. Điều đó rất thú vị - tại sao họ đặt hướng Đông ở trên, bởi vì hướng Đông là trung tâm của thế giới, tức là Trung Quốc đại*

*lục, hay đối với châu Âu thì mọi thứ đến từ phương Đông, và sự phát triển cuộc sống từ hai nghìn năm trước ở châu Âu là được định hướng từ hướng Đông, sự phát triển của miền Bắc thuộc về giai đoạn sau này nhiều hơn và thật thú vị khi nói về điều đó. Nhưng cuối cùng thì về mặt tổng quan, có những điều khiến bạn suy nghĩ khác đi là một ý tưởng rất quan trọng cho nghiên cứu.*

01.41

The idea of research, really, is to ask the question: is it possible to think differently than we do now about this topic: any topic. What is the possibility of thinking differently. This comes from Foucault but its a generally good point.

*Ý tưởng của nghiên cứu thật sự là việc đặt ra câu hỏi: liệu có một cách nghĩ nào khác khi chúng ta bàn về chủ đề này? - Bất kì chủ đề nào. Khả năng gì có thể có khi suy nghĩ khác đi? Điều này xuất phát từ lý thuyết của Foucault (triết gia người Pháp – người dịch) nhưng nói chung thì nó là 1 điểm khá tốt.*

01.55

To do this we could use a map again, and one experiment we did in the class showed a map which was of Asia but all the names were removed of the countries and all the identifying details except for the geographic outline of the countries were presented, but it was upside down. And I asked people to find, to show where they were on the map and at first people could not identify where they were, until then of course the penny drops and they see, they work out, or one person works it out, and everyone sees that this just an inverted map and then it all makes sense. We can see that

illustrated when one of the other teachers came into the class, and we can see that now too [image cuts to Cô Thảo in the class].

*Để làm điều này, chúng ta có thể sử dụng bản đồ lần nữa, và một thử nghiệm đã làm trong lớp là tôi chiếu một bản đồ Châu Á nhưng tên tất cả các quốc gia và các chi tiết xác định đều bị xóa đi, ngoại trừ đường nét địa lý của các quốc gia, nhưng chúng bị lộn ngược. Và tôi yêu cầu sinh viên tìm và chỉ cho mọi người thấy họ đang ở đâu trên bản đồ. Ban đầu sinh viên không thể xác định họ ở đâu, cho đến lúc họ thấy, họ tìm ra hoặc một người tìm ra thì sinh viên mới hiểu được vấn đề rằng đây chỉ là một bản đồ đảo ngược và sau đó tất cả mọi điều đều có ý nghĩa. Điều đó được biểu hiện rất rõ khi một trong những giáo viên khác bước vào lớp, và chúng ta cũng có thể thấy điều đó.*

02.38

It is very interesting to challenge what people's expectations are, to challenge what their expectations of research are as well. The idea that a student is there to simply learn what has already been found and taught is a model of teaching that opens up a students head and pours in knowledge like making a cup of tea is really not what we are about at TDTU. We need to work together to become questioning, challenging thinkers. So that is why everyone is a researcher from day one.

*Thật thú vị khi thách thức về những mong đợi của người khác, để thách thức mong đợi của họ trong nghiên cứu cũng vậy. Ý tưởng rằng một sinh viên ở đó chỉ đơn giản để học những gì đã được tìm thấy và dạy học theo bằng mô hình giảng dạy theo cách nhồi nhét kiến thức vào đầu một sinh viên thực sự không phải là những*



*gì chúng ta làm tại TDTU. Chúng ta cần phải làm việc cùng nhau để trở thành những người biết hoài nghi, những nhà tư tưởng đầy thử thách. Đó là lý do tại sao tất cả mọi người đều là nhà nghiên cứu ngay từ ngày đầu tiên.*

Background slides:

*Second class: the lecture was on commodities and we drew maps of the body.*

*The Map is a metaphor for knowledge, the body often a metaphor in language.*

*Slogan: The body is not the territory.*

Spoken text: In the second class, we asked students to draw a map of the body, and the body here as something to be mapped is really a metaphor and we talked a little about metaphor and ways of representing the body, modes of representation and pictures of the body, and different bodies. We had for example the map of the body that shows the acupuncture points, and we had another one of Mao Tse Tung in his Mao suit and here – this is from Michael Dutton's book - the underworld in China have drawn their map of the different ways you can pick pockets, the different names for pickpocketing – on Mao's body map.

*Trong buổi học thứ hai, chúng tôi yêu cầu sinh viên vẽ một bản đồ cơ thể, và cơ thể được lập bản đồ thật sự là một phép ẩn dụ. Chúng tôi đã nói một chút về phép ẩn dụ và cách thức của việc miêu tả cơ thể, phương thức miêu tả hình ảnh của những cơ thể khác nhau. Chúng tôi có một ví dụ về bản đồ cơ thể thể hiện các điểm châm cứu. Chúng tôi cũng có một bản đồ của Mao Trạch Đông trong bộ đồ Mao của ông*

*ta từ cuốn sách của Michael Dutton. Trong quyển sách đó, thế giới nằm ở Trung Quốc đã dùng cơ thể của Mao Trạch Đông để vẽ bản đồ về những cách khác nhau để bạn có thể chọn túi, một cách gọi khác của trò móc túi.*

04.00

But the students were doing their maps of themselves and they were putting in what they thought was interesting. It was the questions coming from them - largely it was about health and about fashion. A lot about fashion and different kinds of identity presentation, the different kinds of commodities that went into the look that people had, whether it be traditional or cultural or Western or imported or a subculture as it were. It was very interesting to have that for discussion. The maps of the body were also quite good fun. We could illustrate or populate the maps through people we knew and liked, or disliked.

*Nhưng các sinh viên đã làm bản đồ của riêng họ và họ đưa vào đó những gì họ nghĩ là thú vị. Những câu hỏi của họ phần lớn là về sức khỏe và thời trang. Rất nhiều thông tin được đưa ra thảo luận như thời trang và những cách trình bày nhân dạng, các loại hàng hóa khác nhau đã đi vào cái nhìn của mọi người, cho dù đó là truyền thống hay văn hóa, phương Tây hay nhập khẩu, hay một văn hóa địa phương nào đó. Thật thú vị khi thảo luận về những điều đó. Những bản đồ cơ thể cũng khá thú vị. Chúng ta có thể minh họa hoặc điền vào bản đồ những người chúng ta biết, thích hoặc không thích.*

Background slides:

*A week later, discussing labour theory and the Working Day in the lecture, the rest of the class meant drawing a map of all the labour that got them to class that day.*

*By now they were to some extent getting what I was after.*

*But I wasn't after anything.*

Spoken text: The next class was one where we brought in some of the readings we had been looking at around labour and value, economic value, and work, and employment formal and informal employment. The challenge there was to make a map that showed the different ways that labour had made it possible for the students to come to work that day, to come to class that day. So for some of them, for example, living in the student and staff accommodation KTX, what is the labour that produces the possibility of coming to class: the people that prepare the breakfast, the people that run the building, the people that built the building, the caretakers the cleaners, the administrative staff – all these kinds of workers that are working to make it possible for someone to just wake up in the morning, walk down the stairs or go in the lift – the lift has to be repaired for example – and then come to class. Coming across the campus involves all different kinds of work and workers from the beautification of the campus to the cleaners, the architects, the builders of the buildings – all of these entails labour that makes it possible for students just to come to the classroom. The classroom itself has a whole lot of labour behind it. Labour makes it possible for the classroom to exist, for electricity to come in and for the lights to be on, and the timetabling, the security guard, all of it.

*Lớp tiếp theo là lớp mà chúng tôi đã đưa vào một số bài đọc về lao động và giá trị, giá trị kinh tế và công việc, việc làm chính thức và việc làm không chính thức.*

*Thách thức ở đây là tạo ra một tấm bản đồ thể hiện những cách khác nhau mà lao động đã làm cho sinh viên có thể đến lớp để học tập và làm việc ngày hôm đó. Vì vậy, ví dụ đối với một số sinh viên sống trong ký túc xá, hoạt động lao động tạo ra khả năng đến lớp là gì: những người chuẩn bị bữa ăn sáng, những người quản lý tòa nhà, những người xây dựng tòa nhà, những người chăm sóc, những người dọn dẹp, nhân viên hành chính - tất cả những nhân công đang làm việc đều là ví dụ thể hiện tính khả dụng của lao động để một người nào đó chỉ cần thức dậy vào buổi sáng, đi xuống cầu thang hoặc đi thang máy và sau đó đến lớp học – ví dụ thể hiện rất rõ rằng cuộc sống luôn cần được sửa chữa. Trong khuôn viên trường có tất cả các loại hình lao động và nhân công khác nhau, từ người chăm lo cho vẻ đẹp của khuôn viên trường đến những người dọn dẹp, kiến trúc sư, người xây dựng các tòa nhà - tất cả đều đòi hỏi hoạt động lao động để giúp sinh viên có thể đến lớp học. Bản thân lớp học cũng hàm chứa rất nhiều hoạt động lao động đằng sau nó. Lao động giúp cho lớp học có thể tồn tại, để có điện vào và đèn chiếu sáng, thời gian biểu, nhân viên bảo vệ, và tất cả những điều khác.*

06.22

And of course the students themselves are products of labour because they have been brought up and socialised in society by their parents – the labour of giving birth and the labour of looking after children and teaching them to walk and to talk and to be students. So, how to map all of these things? Maybe there are too many things for one map so we have to make decisions about what we are going to include. And of course there is also an aesthetic dimension to that.

*Và tất nhiên, bản thân sinh viên cũng là sản phẩm của lao động bởi vì họ được cha mẹ nuôi dưỡng dạy dỗ và xã hội hóa – lao động sinh con và lao động nuôi dạy đứa trẻ cách đi đứng, nói chuyện và trở thành sinh viên. Vì vậy, làm cách nào để phác họa tất cả những điều đó trên bản đồ? Có thể có quá nhiều thứ trong một bản đồ nên chúng ta cần phải quyết định lựa chọn điều gì để vẽ lên bản đồ. Và tất nhiên là chúng phải có kích thước phù hợp và thẩm mỹ.*

06.45

Our discussions became very interesting by asking what is it that people want to produce when they produce knowledge about, for example, the formal and informal economy? Or the labour of socialisation? The production of anthropologists in this very class?

*Cuộc thảo luận của chúng tôi đã trở nên rất thú vị thông qua việc đặt câu hỏi xem sinh viên muốn sáng tạo điều gì khi họ kiến tạo tri thức, ví dụ, có thể là nền kinh tế chính thức và không chính thức? Hay là lao động xã hội hóa?*

Background slides:

*We had this idea that they chase a problem and come up with their own questions: a provocation was to think differently to how you do now, and map how things change?*

*We were inspired by various texts, talks and games.*

*Next, I asked them to draw a map of unemployment.*

*The week after we looked at urbanisation/globalisation.*

*The following week was about how crisis theory may help draw a map of crisis on a 2 dimensional square?*

07.04

Spoken text: Commentary on anthropology and how it changes because of engagements with history and geography was leading up of course to the final assessment. Which was a more difficult and experimental challenge – and we did not really know whether there was an answer for this – but the idea was to show social change, on a map. Now it would be a little bit easier perhaps to write an essay about social change because in narrative you can unfold a story, but in a map everything is there at the same time. So how do you show social change? That was a real challenge. And they were thinking about the development of technology, the development of labour, the development of community, and redevelopment from their home villages to transportation in Ho Chi Minh City. These different topics had to be researched and then there was the problem of presentation – how you communicate this material. And we got some fantastic results, which I hope we can now have a look at as we move from here, me talking as that's a bit boring, to the classroom where we can see some of the work.

*Tất cả những hoạt động này tất nhiên để dẫn đến bài tập cuối kì, khó hơn và cần thử thách thực nghiệm – và chúng tôi không thật sự biết đâu là câu trả lời cho nó – nhưng ý tưởng là thể hiện sự thay đổi xã hội trên một bản đồ. Có thể dễ dàng hơn một chút nếu chúng ta viết một bài luận về biến đổi xã hội, bởi vì bạn có thể kể một câu chuyện bằng câu chữ, nhưng trên bản đồ thì mọi thứ đều được trình bày cùng một lúc. Vậy thì làm cách nào bạn có thể thể hiện được sự biến đổi xã hội? Điều đó*

*thật sự là một thử thách. Và các sinh viên đã nghĩ đến sự phát triển của công nghệ, sự phát triển của lao động, của cộng đồng, và sự tái phát triển từ quê nhà của họ cho đến giao thông ở Tp.HCM. Những chủ đề khác nhau đó cần được nghiên cứu và điều này dẫn đến vấn đề về cách trình bày – làm cách nào bạn có thể kết nối các dữ liệu đó. Và chúng ta đã có được những kết quả tuyệt vời, bạn có thể thấy video bên cạnh khi chúng ta di chuyển đến phòng học để xem các hoạt động diễn ra như thế nào.*

Background slides:

*Final assessment was a map of social change, on a topic researched in as much detail as would be done for any other set essay or research report assignment.*

9.07

OK, so thank you for watching this presentation of the model from Social Sciences and the Humanities of Co-Research for the sociology classroom. We've hoped that with this model we can show that we care about the students' capacity for inquiry and enhancing that through a participatory exercise and experience in being researchers themselves. We think they are always researchers when they write their essays but in this case they were making maps to make them reflect on what is at stake in the process and to think about it in a different way. We want to be able to teach our students to do more in terms of research than look things up on google, which everyone can do now, but to really think deeply and critically into the ways in which knowledge is produced.

*Cảm ơn các bạn đã xem tôi trình bày về mô hình Co-Research (Đồng Nghiên cứu) từ lớp học xã hội học của Khoa XHNV. Chúng tôi hy vọng rằng với mô hình này chúng ta có thể cho sinh viên thấy được chúng ta quan tâm đến khả năng của sinh viên trong việc tự tìm tòi và tăng cường khả năng đó qua sự tham gia tập luyện và trải nghiệm tự làm nhà nghiên cứu. Chúng ta nghĩ rằng sinh viên luôn là nhà nghiên cứu khi họ viết bài luận, nhưng trong trường hợp này họ vẽ nên một bản đồ để phản ánh điều đang bị đe dọa trong quá trình nghiên cứu và suy nghĩ về nó theo một cách khác. Chúng tôi muốn là chúng ta có thể dạy cho sinh viên làm nghiên cứu nhiều hơn là tìm kiếm mọi điều trên Google, điều mà ai cũng làm được, đồng thời suy nghĩ sâu và phân tích phản biện theo nhiều hướng mà tri thức được kiến tạo.*

Background slides:

*Criteria for scholarship remains*

- *Research ethics and responsibility.*
- *Respect for other labour and knowledge.*
- *No rush to judgment.*
- *Original sources, have a look for yourself.*
- *Collaborative and inclusive.*
- *Transparent, critical, innovative.*

*Always more to do, there is no complete story, knowledge is always unfinished.*

9.55

Spoken text: This video was about that. So we thank you for watching the video. We hope we can explain more about what is the model of co-research through the



documents we attach and we have a bibliography and some footnotes. Thanks you for watching, and thank you to the producers for making this video.

*Đoạn phim này thể hiện tất cả những điều mà mô hình này hướng đến, nên một lần nữa tôi cảm ơn các bạn đã theo dõi. Chúng tôi hy vọng rằng chúng tôi có thể giải thích nhiều hơn về mô hình đồng nghiên cứu này qua tài liệu đính kèm có phụ lục và chú thích.*

Background slides:

*Questions from the Office of Undergraduate Academics of TDTU*

*Describing:*

- *The purpose of the model.*
- *The advantages of the model.*
- *Which steps we can do to run this model?*
- *Method of the model that we use.*

*The purpose of model*

- *Promoting the idea that all students at university level should be considered developing researchers. Their capacity for inquiry must be trained from the very beginning of the class.*
- *Teaching students to be able to do more than look things up on Google.*
- *Research skills.*

*The advantages of model*

- *Students have some degree of autonomy.*

- *Developing the inquiry model of critical thinking.*
- *A critique of everything.*
- *The skill is transferrable to any profession.*

*Steps to run the model*

- *Training in finding resources.*
- *Practical exercises with modes of knowledge distribution; in making formats for knowledge dissemination.*
- *Group work that produces know knowledge collectively.*

*Method of the model*

*Practical demonstration.*

*Inquiry model texts:*

- *Marx 1880 workplace inquiry*
- *Pravda – Factory Exposures*
- *Kracauer – Salaried Masses*
- *Socialisme au Barbarie*
- *Operaismo – Quaderni Rossi*
- *Kolinko – call centre communism*
- *Edu Commission, Co-research*
- *Also ANT, Participatory knowledges, poco methodologies, flipped classroom, inclusive pedagogies, civil contract, consent, counter-maps*

*Other texts used:*

*Karl Marx, Capital Volume 1. 1867. Chapters 1, 10, 13, 16, 25, 31.*

*Asia as Method, Kuan-Hsing Chen 2010*

*Other Asias , Gayatri Spivak 2008*

*Death of a Discipline, Gayatri Spivak 2003*

*Diary of a Limpieza, Michael Taussig 2003*

*More Brilliant than the Sun, Kwodo Eshun 1998*

*Streetlife China, Michael Dutton 1998*

*Revolution at Point Zero, Silvia Federici 2012*

*Friction: Ethnography of Global Connection, Anna Lowenhaupt Tsing 2015*

*Direct Action, David Graeber 2008*

*The Civil Contract of Photography, Ariella Azoulay 2008; 2012*

*The Ignorant Schoolmaster, Jacques Ranciere 1987*

(appendix English and Vietnamese 5100 words).